



Bộ phận Chiến lược đầu tư

NGÀNH NGÂN HÀNG- OUTLOOK 2H2021

Triển vọng dài hạn tích cực - Outperform

Trong ngắn hạn, ngành ngân hàng sẽ chịu ảnh hưởng từ đợt bùng dịch Covid thứ 4 khiến tốc độ tăng trưởng tín dụng quý 3 có phần chững lại. Áp lực dự phòng và các gói hỗ trợ lãi suất cho vay khiến lợi nhuận không thể tăng mạnh như nửa đầu năm.

Tuy nhiên, chúng tôi đã xem xét và cho rằng NIM toàn ngành sẽ chỉ giảm nhẹ khoảng 0.2%-0.3% nửa cuối năm. Trong đó, một số ngân hàng vẫn có thể duy trì nền NIM cao (TCB, TPB) nhờ lợi thế huy động thấp trên thị trường 2.

Chính sách là yếu tố quan trọng nhất giúp ngành ngân hàng vẫn duy trì được chất lượng tài sản trong tầm kiểm soát. Trong 1H2021, nhiều ngân hàng đã giảm mạnh được dư nợ tái cơ cấu cũng như nợ xấu nội bảng, điều này phần nào giảm tải áp lực cho nửa sau của năm.

Về khía cạnh đầu tư, ngành ngân hàng có ít thông tin hỗ trợ hơn khi hầu hết các ngân hàng đã hoàn thành trả cổ tức cũng như các deal quan trọng (như tại VPB) đã có kết quả.

Khuyến nghị

Với những đánh giá nêu trên, chúng tôi duy trì xếp hạng “Tích cực” với ngành Ngân hàng.

Chúng tôi dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn nền kinh tế ở mức 9%-10% cho cả năm 2021. NIM trung bình 3.3% và tăng trưởng lợi nhuận 30% so với năm 2020.

Về ý tưởng đầu tư trong 6-18 tháng tới, chúng tôi quan tâm đến các cổ phiếu có triển vọng kinh doanh tích cực, mô hình kinh doanh hiệu quả, chất lượng tài sản ở mức tốt với tỷ lệ bảo phủ nợ xấu cao. Theo đó, một số cổ phiếu được lựa chọn như TCB, MBB, CTG và VCB.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã HAH được chuyển khuyến nghị từ Mua thành Nắm giữ.

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	14.0%	-	1.2%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	35.1%	-	-1.5%
HAH	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	1.5%	-	147.9%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	12.1%	-	19.2%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Tăng tỷ trọng	41,000	14.7%	-	13.2%	29.8%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	96.8%	148.3%
VHM*	16/11/20	1	76,600	Nắm giữ	88,315	15.3%	-	32.5%	52.7%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	21.3%	96.1%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	54.8%	171.5%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	10.5%	-	133.1%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	27.5%	62.1%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	5.5%	36.3%
MWG*	31/07/20	2	128,500	Nắm giữ	154,500	20.2%	-	10.0%	131.4%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	9.9%	85.3%
SBT	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	18.2%	-	9.7%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	15.1%	-	26.1%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã SGP được chấm dứt khuyến nghị và rút khỏi Danh mục Giao dịch, chuyển xuống phần Các khuyến nghị đã đóng. Mức giá cao nhất từng đạt được là 42,000 vào ngày 12/08/2021, tương ứng mức lợi nhuận 281.8%.

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BWE	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	4.3%
LAS	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	14.3%
ABI	17/06/21	52,000 – 56,000	75,000	49,000	1:2.7	4.3%
VND*	09/06/21	32,280 – 35,100	50,140	29,460	1:2.7	41.3%
DPG	31/05/21	27,500 – 28,929	43,571	25,000	1:4	35.0%
GVR	28/05/21	26,900 – 30,100	49,000	24,500	1:3.5	14.0%
BID	28/05/21	46,000 – 48,500	65,000	42,500	1:3	-11.8%
IDC	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	-8.8%
SSI*	20/05/21	36,000 – 39,000	51,000	33,000	1:2	47.9%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	22.4%
SMC	11/05/21	35,300 – 38,000	51,000	32,000	1:2	22.1%
BCG	12/04/21	13,800 – 14,400	20,300	12,500	1:3	12.8%
DIG	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	22.7%
GMD	07/04/21	35,000 – 36,200	55,000	32,700	1:5	33.4%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	41.0%
TTF	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	-1.3%
VIC*	26/03/21	109,000 – 114,000	145,000	107,000	1:4.5	-2.5%
VCB	18/03/21	96,300 – 98,500	125,000	94,000	1:6	1.4%
GEG	08/03/21	18,000 – 19,200	28,000	16,800	1:4	-6.5%

TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	78.6%
GAS	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	13.2%
CNG	17/02/21	21,900 – 23,000	31,500	20,600	1:3.5	22.0%
CCL	17/02/21	11,000 – 12,000	19,000	9,700	1:3	13.8%
LAF	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	3.4%
VSH	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	26.9%
MSR	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	-1.9%
SFI	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	52.6%
PGV	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	24.0%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	119.7%
DRI*	20/10/20	4,730 – 5,230	10,230	3,930	1:4	110.3%

Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000
CEO	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900
FCN	08/03/21	14,000 – 15,000	22,000	13,400
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900
SAM	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường dao động quanh tham chiếu trong buổi sáng với phần lớn thời gian duy trì sắc xanh, nhưng đến buổi chiều thì suy yếu và về cuối ngày đã chìm hẳn vào sắc đỏ.

Tương quan tăng giảm là cân bằng trên toàn thị trường nhưng lệch hẳn về phía giảm trong nhóm VN30. Tác động tiêu cực nhất đến VNINDEX là MSN, HPG, MWG, VCB, FPT, GAS, ACB... trong khi ở chiều ngược lại có VHM, VPB... tác động tích cực đáng kể đến chỉ số chung.

Nhóm Phân bón, Logistics chịu áp lực bán mạnh và giảm sâu trong khi nhiều cổ phiếu thuộc nhóm ngành Xây dựng và Vật liệu tăng mạnh.

VN-INDEX



(Đồ thị ngày của VNIndex)



Nhận định

VNINDEX ngày 12/08/2021: (1) Biên độ dao động hẹp, mở cửa thấp hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn mở cửa và thấp nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày thấp hơn ngày liền trước và cao hơn trung bình.

⇒ Áp lực chủ yếu lên thị trường vẫn là đến từ các cổ phiếu vốn hóa lớn đại diện bởi chỉ số VN30, trong khi VNMidCap có mức giảm thấp hơn nhiều. Số lượng mã tăng và giảm trên thị trường cân bằng nếu so với ngày hôm qua lệch hơn về phía giảm thì đã là cải thiện. Lực mua giá thấp vẫn xuất hiện ở giai đoạn đầu trong ngày nhưng về cuối ngày thì lực bán giá thấp cho thấy sự trội hơn và đẩy VNINDEX giảm điểm nhưng mức giảm là chưa quá lớn. Thực tế việc vẫn có những cổ phiếu và nhóm ngành tăng tích cực cho thấy việc chỉ số chung suy yếu chưa phải là tín hiệu xấu. Dòng tiền vẫn đang quay vòng trong thị trường tìm kiếm cơ hội hoặc tạm nghỉ chứ không bị rút ra.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,230
Kháng cự	1,300
	1,350 – 1,420

TIÊU ĐIỂM - NEWS FOCUS

CTCP Tập đoàn GELEX – GEX VN

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo quyết định chấp thuận cho Tập đoàn Gelex (HoSE: GEX) thay đổi niêm yết chứng khoán. Cụ thể, gần 293 triệu cổ phiếu GEX phát hành thêm chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được niêm yết bổ sung trên HoSE từ ngày 9/8, nâng số lượng cổ phiếu niêm yết lên 781,2 triệu đơn vị. Trong đó, hơn 287,5 triệu cổ phiếu được giao dịch vào ngày 18/8 và 5,4 triệu cổ phiếu được giao dịch từ ngày 18/7/2022.

Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội – SHS VN

Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (HNX: SHS) vừa thông báo 24/8 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền phát hành gần 114 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tổng tỷ lệ 55%. Cụ thể, công ty dự kiến phát hành 10,36 triệu cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 5% (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu được nhận thêm 1 cổ phiếu mới). Song song, SHS cũng sẽ chào bán hơn 103,6 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 50% (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu sẽ được quyền mua 1 cổ phiếu mới).

SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
GMD	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (1.200 đ/cp)	13/08/2021	16/08/2021	16/09/2021
QBR	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	13/08/2021	13/08/2021	13/08/2021
VC2	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	13/08/2021	16/08/2021	13/08/2021
TID	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	13/08/2021	16/08/2021	30/08/2021
EMG	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	13/08/2021	16/08/2021	13/08/2021
RIC	HSX	ĐHĐCĐ bất thường	13/08/2021	16/08/2021	9/9/2021
TBH	Upcom	Giao dịch 93.117.800 cổ phiếu đăng ký giao dịch	13/08/2021	13/08/2021	13/08/2021
PSW	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400 đ/cp)	13/08/2021	16/08/2021	6/9/2021
YRC	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	13/08/2021	13/08/2021	13/08/2021
THG	HSX	Niêm yết bổ sung 1.451.746 cp		13/08/2021	13/08/2021
DXD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	13/08/2021	16/08/2021	13/08/2021
HDA	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	13/08/2021	16/08/2021	1/9/2021

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SGP	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 2	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

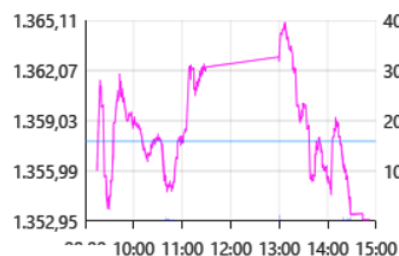
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

BIẾN ĐỘNG NGÀY

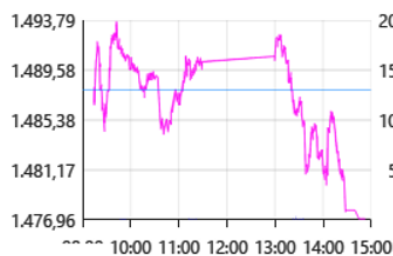
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,353.05	-0.35%	-4.74	741.56	22,684.2	185	43	183
Vn30 - Index	1,477.06	-0.73%	-10.85	188.98	9,783.8	7	3	20
Vn - Mid	1,650.19	-0.20%	-3.31	289.97	7,985.7	36	4	30
HNX - Index	334.33	-0.03%	-0.11	154.91	3,394.9	110	68	104
Upcom - Index	91.98	-0.03%	-0.03	87.06	1,725.4	147	59	123
VNX-ALL	2,250.06	-0.42%	-9.58	796.81	24,245.5	234	65	188

BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

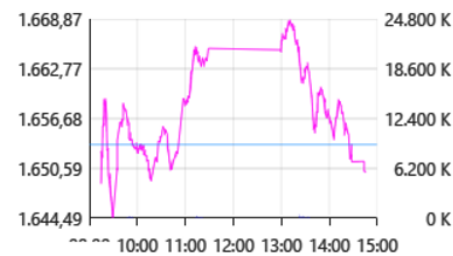
VN-INDEX



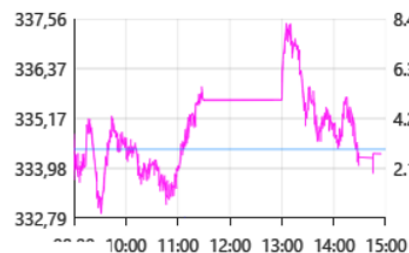
VN30



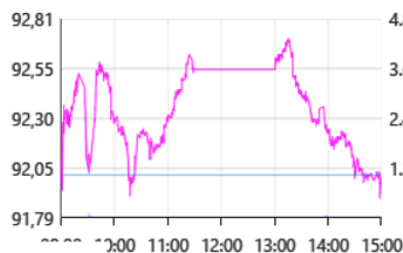
VN-MID



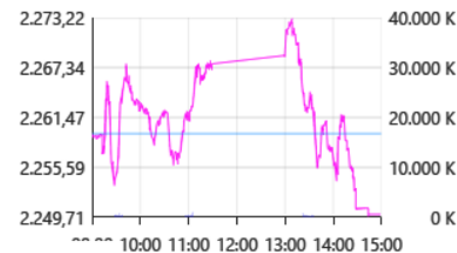
HNX-INDEX



UPCOM



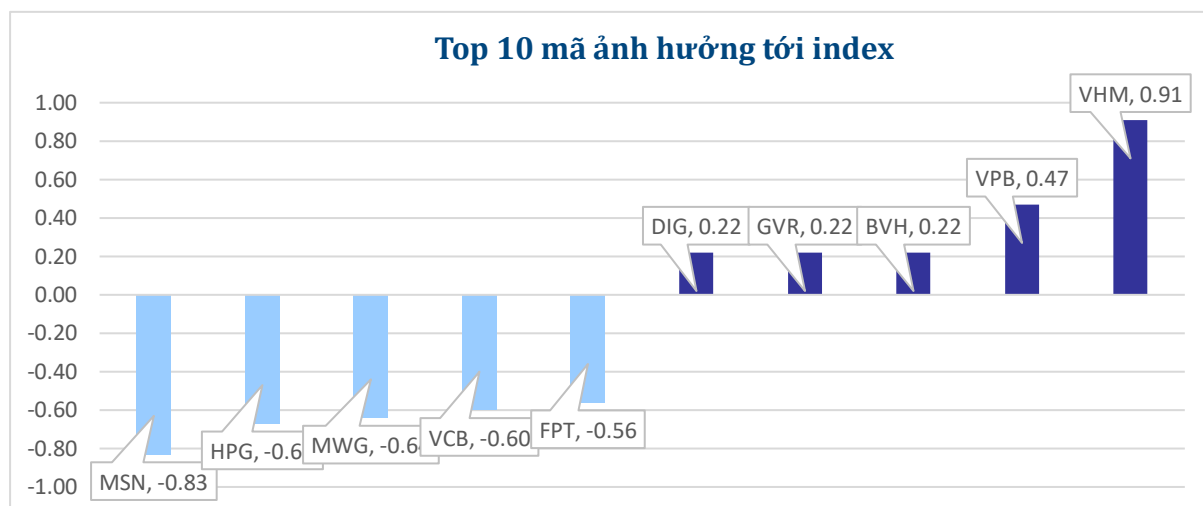
VNX-ALL



THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	22,684.20	-13.89%	741.56	-8.08%
HNX	3,394.90	-1.55%	154.91	3.81%

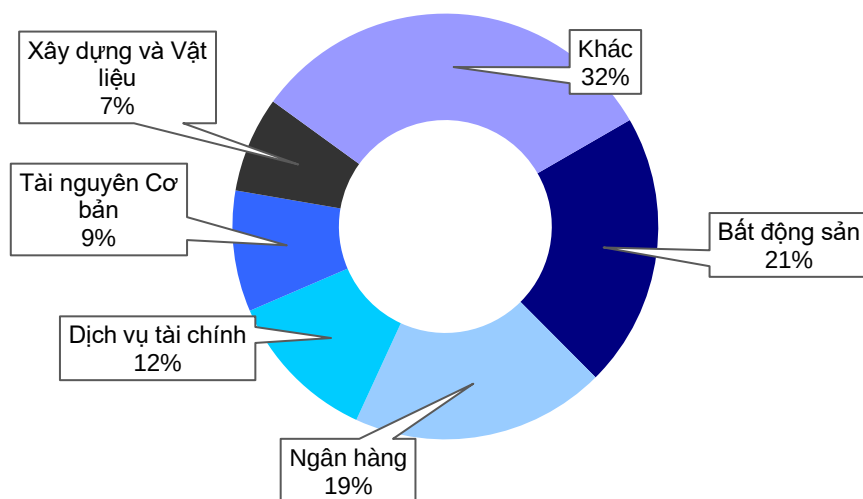
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY



Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
STB	27.94	HPG	1,049.3	VOS	490%	DPG	7.0%	TCL	-7.0%
HPG	21.55	STB	840.6	PC1	482%	SZC	6.9%	BFC	-6.9%
DIG	18.91	FPT	795.5	VGC	437%	FCN	6.8%	HAH	-6.9%
SCR	16.99	SSI	793.8	GEG	429%	PET	6.8%	DCM	-6.8%
FLC	16.41	TCB	617.3	FCN	389%	HBC	6.7%	DPM	-6.7%

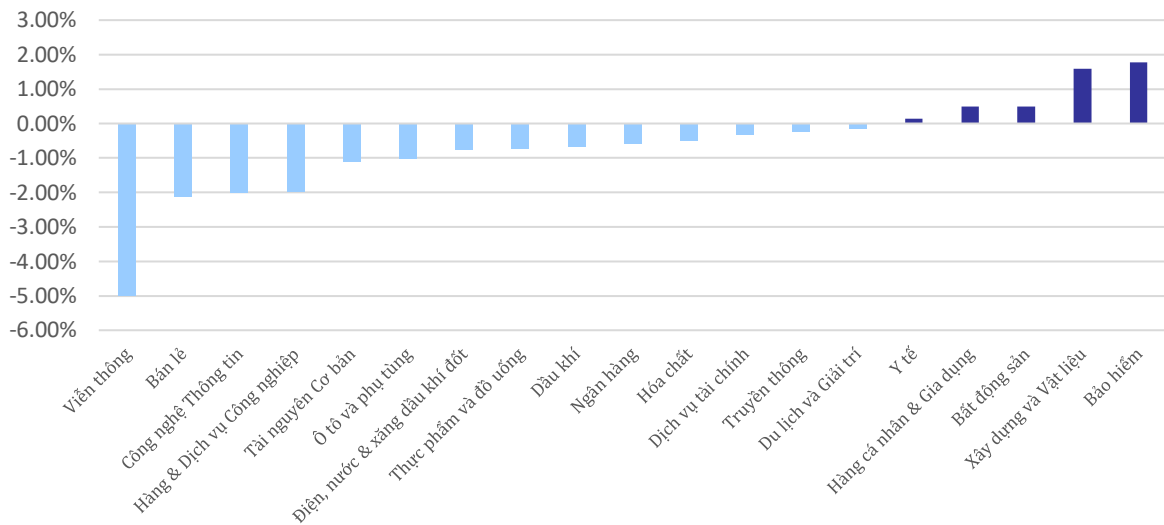
NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày





Biến động các nhóm ngành trong ngày

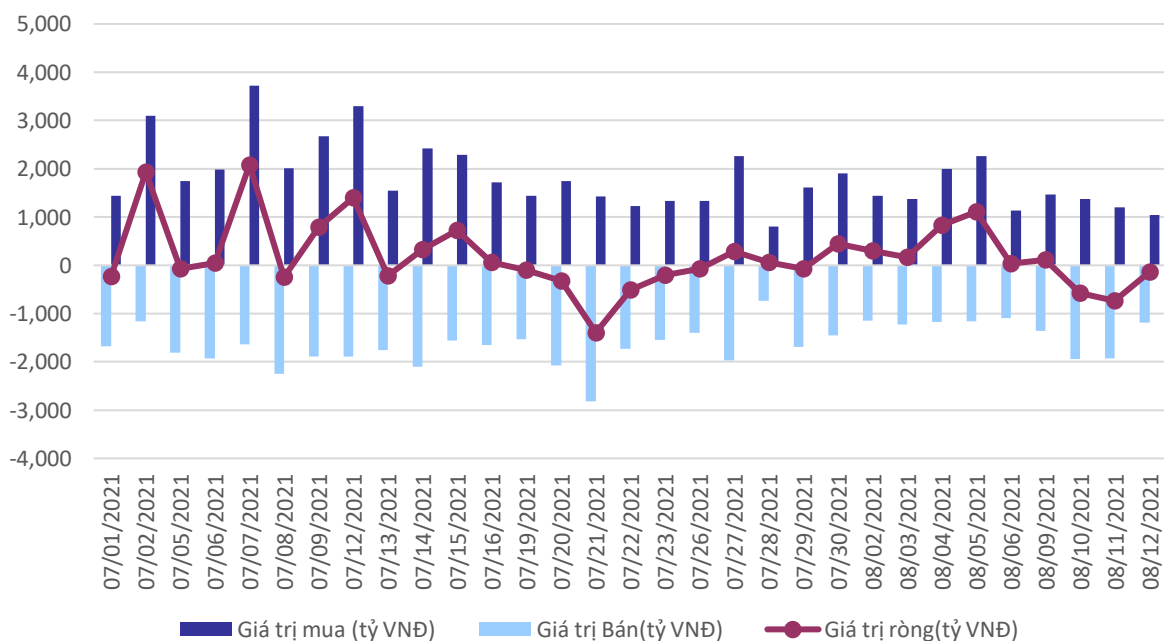


GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 143.46 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 25.75 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
PLX	55.09	VRE	-55.42
GMD	45.59	VNM	-55.36
CTG	29.39	SSI	-50.75
VCB	28.36	PC1	-41.67
DIG	18.90	VIC	-39.60

Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE





XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN – Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN – Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@gtjas.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696
Website: www.ivs.com.vn		